

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17 – 02 – 2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tiêu Hồng Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Phi Hùng

Ông Lê Quốc Văn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Đặng Giang L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn C, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

**- Bị đơn:** Chị Triệu Bạch L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Giang L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Triệu Bạch L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống không hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị L được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị L có 01 người con tên Đặng Triệu Bảo Tr sinh ngày 13/5/2012, hiện cháu Trân do chị L đang nuôi dưỡng.

Khi ly hôn anh L tự nguyện giao cháu Tr cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra.

Về tài sản chung: Anh L xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị Triệu Bạch L, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng chị L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh L, không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Triệu Bạch L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L.

[2] Về hôn nhân: Anh L với chị L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Giang L với chị Triệu Bạch L được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo anh L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong, vợ chồng không có tiếng nói chung, được gia đình hai hàn gắn nhưng không thành, vợ chồng sống không hạnh phúc nên chị L đã về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2014 và đã ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa anh L xác định không còn tình cảm với chị L và cũng không thể tiếp tục chung sống với chị L được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị L; đối với chị Triệu Bạch L, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh L nhưng chị L không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh L, điều này cho thấy chị L đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa, mặt khác thời gian anh chị ly thân đã lâu. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh L với chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh L, cho anh L được ly hôn với chị L là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh L xác định trong thời gian chung sống chị và chị L có 01 người con tên Đặng Triệu Bảo Trân sinh ngày 13/5/2012, hiện cháu Trân do chị L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh L tự nguyện giao cháu Trân cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; đối với chị L không có ý kiến gì về việc nuôi cháu Trân. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh L và chị L ly thân cháu Trân do chị L nuôi dưỡng đến nay. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Trân cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Việc cấp dưỡng cho con anh L không đặt ra; đối với chị L không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với chị L không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Đặng Giang L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Giang L. Cho anh Đặng Giang L được ly hôn với chị Triệu Bạch L.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Triệu Bảo Tr sinh ngày 13/5/2012 cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đặng Giang L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003094 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Phú, huyện Thới Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tiêu Hồng Phụng**